

Bản án số: 164/2018/HSST
Ngày: 07/9/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Tố Uyên**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Thùy Liễu** và bà **Ngô Thị Thời**.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Hoàng Phương** -
Thư ký Tòa án - Tòa án nhân dân thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Bà
Đinh Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2018, tại Nhà Văn hóa khu 10 phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 150/2018/HSST ngày 08 tháng 8 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2018/HSST-QĐ ngày 27 tháng 8 năm 2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Văn T**, sinh năm 1993. Đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu 16, phường Ngọc C, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 4/12. Con ông Lê Văn H, sinh năm 1961 và bà Phạm Thị C, sinh năm 1962. Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba; có vợ là chị Đào Thị H, sinh năm 1997; Có 01 con sinh năm 2014. Tiền án: Bản án số 35/2013/HSST ngày 13/3/2013, Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng về tội “Giao cấu với trẻ em” (bị cáo đã nộp án phí ngày 13/3/2013, chấp hành xong thời gian thử thách ngày 13/3/2018). Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/6/2018, chuyển tạm giam từ ngày 09/6/2018 đến nay tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

** Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1954;

Cư trú tại: Khu 4 phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương;

2. Ông Trần Ngọc H, sinh năm 1958;

Cư trú tại: Khu 3 phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23h15 phút ngày 06/6/2018, tại đầu đường Lý Quốc B khu 4, phường N, thành phố H. Công an phường N, thành phố H bắt quả tang Lê Văn T đang cất giấu trái phép trong tay trái 01 gói nilon màu trắng kích thước (1x1) cm bên trong chứa chất tinh thể dạng cục màu trắng, T khai nhận là ma túy tổng hợp cất giấu để sử dụng, thu giữ trong tay trái T 01 gói nilon màu trắng kích thước (1x1 cm) bên trong chứa chất tinh thể dạng cục màu trắng. Khi bắt giữ có sự chứng kiến của ông Trần Ngọc H, ông Nguyễn Ngọc S ở khu ở khu 3 và khu 4, phường N, thành phố H Hải Dương. Quá trình điều tra đã làm rõ, Lê Văn T có sử dụng chất ma túy tổng hợp. Khoảng 23h00 phút ngày 06/6/2018, T đi đến đường Lý Quốc B, phường N, thành phố H mua được 01 gói ma túy tổng hợp của người đàn ông tên D (không biết họ, địa chỉ cụ thể) với số tiền 200.000đ rồi cầm trong lòng bàn tay trái đi tìm nơi sử dụng, khi T đi đến đầu đường Lý Quốc B khu 4, phường N, thành phố Hải Dương thì bị Công an phường N, thành phố H kiểm tra bắt quả tang, thu giữ trong tay trái T 01 gói nilon màu trắng bên trong chứa chất tinh thể dạng cục màu trắng như nêu ở trên, trước sự chứng kiến của ông Trần Ngọc H và ông Nguyễn Ngọc S.

Tại kết luận giám định số 390/KLGD- PC54 ngày 09/6/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Chất rắn (dạng tinh thể) màu trắng ghi thu của Lê Văn T gửi đến giám định có khối lượng là 0,188gam, là loại Methamphetamine. Methamphetamine nằm trong danh mục II, STT: 67, Nghị định 73/2013/NĐ- CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Về vật chứng: Đối với 0,123gam Methamphetamine hoàn lại sau giám định đựng trong phong bì niêm phong số 390/KLGD- PC54 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương hiện đang quản lý tại kho vật chứng của Công an thành phố H chờ xử lý theo quy định.

Tại Cáo trạng số 161/CT-VKSTPHD ngày 07/8/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố bị cáo Lê Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo qui định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự (được viết tắt là BLHS).

Quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định nêu trên. Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; Xử

phạt bị cáo Lê Văn T từ 15 (Mười lăm) đến 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ 07/6/2018; Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng; Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Tịch thu tiêu hủy 0,123gam Methamphetamine là mẫu vật hoàn lại sau giám định; Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Miễn số tiền án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo T.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra-Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định bị cáo có tội: Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định (bút lục số 10, 33-34); phù hợp với lời khai người làm chứng (bút lục số 50-59) và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 23h15 phút ngày 06/6/2018, tại đầu đường Lý quốc B, khu 4 phường N, thành phố H, Lê Văn T đang cất giấu trái phép 0,188 gam Methamphetamine để sử dụng thì bị Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy-Công an thành phố H phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được ma túy là chất gây nghiện bị Nhà nước cấm lưu hành, có tác hại lớn đến sức khỏe con người và là nguyên nhân gây phát sinh các loại tội phạm khác trong xã hội. Việc bị cáo cất giấu trái phép 0,188 gam Methamphetamine trong người để sử dụng là vi phạm pháp luật hình sự nhưng bị cáo coi thường pháp luật nên cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm vào chính sách độc quyền về quản lý chất ma túy của Nhà nước. Vì vậy, cần áp dụng một hình phạt nghiêm,

có thời hạn tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt biết tôn trọng và chấp hành pháp luật.

[3] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (được viết tắt là TNHS) của bị cáo thì thấy: Bị cáo đã bị Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng về tội “Giao cấu với trẻ em”, bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân, nay lại phạm tội với lỗi cố ý. Do vậy, xác định bị cáo coi thường pháp luật nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn; đó là tình tiết giảm nhẹ TNHS theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có việc làm, không có thu nhập, không tài sản riêng, gia đình thuộc hộ cận nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng: Đối với 0,123gam Methamphetamine hoàn lại sau giám định. Xét Methamphetamine là chất cấm lưu hành nên tịch thu cho tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[6] Những vấn đề khác: Đối với đối tượng đã bán trái phép chất ma túy cho T, theo T khai tên là D nhưng không biết rõ họ tên đầy đủ và địa chỉ của người này. Cơ quan CSĐT - Công an thành phố H tiếp tục xác minh làm rõ khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

[7] Về án phí: Bị cáo phạm tội nhưng thuộc trường hợp được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án nên bị cáo không phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; điểm c khoản 1 Điều 47; điểm a khoản 2 Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 của BLTTHS; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

2. Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 16 (Mười sáu) tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ 07/6/2018.

3. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 0,123 gam Methamphetamine mẫu vật hoàn lại sau giám định, được đựng trong 01 (một) phong bì niêm phong số 390/KLGD-PC54 ngày 09/6/2018 của Phòng kỹ thuật - Công an tỉnh Hải Dương (Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H ngày 09/8/2018).

4. Về án phí: Miễn số tiền 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng chẵn) án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Lê Văn T.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo Lê Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 07/9/2018)/.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố H.
- VKSND tỉnh Hải Dương.
- Cơ quan CSĐT-Công an thành phố H.
- Chi cục THADS thành phố H.
- Bị cáo;
- Sở tư pháp.
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Tố Uyên